

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Lê Văn H,
Văn phòng luật sư L, Đoàn luật sư thành phố H; .

- Bị đơn:

1. Ông Đinh B1, sinh năm 1965; địa chỉ: Xóm 1, xã Z, huyện Y, tỉnh H. Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

2. Ông Đinh B2, sinh năm 1965; địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện Đ, tỉnh K.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh B2.1, sinh năm 1959; địa chỉ: Xóm 1, xã Z, huyện Y, tỉnh H. Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

3. Bà Đinh B3, sinh năm 1945.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh B3.1, sinh năm 1956. Có mặt tại phiên tòa.

4. Ông Đinh B4, sinh năm 1968;

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Đinh Thị B4.1, sinh năm 1988. Có mặt tại phiên tòa.

5. Bà Đinh B5, sinh năm 1968. địa chỉ: Xóm 1, xã Z, huyện Y, tỉnh H. Có mặt tại phiên tòa.

6. Anh Vũ B6, sinh năm 1978 (đại diện theo thừa kế của ông Vũ Vă). Có mặt tại phiên tòa.

7. Bà Đinh B7, sinh năm 1947.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Đinh B7.1, sinh năm 1981. Có mặt tại phiên tòa.

8. Ông Đinh B8, sinh năm 1940. Có mặt.

9. Ông Nguyễn B9, sinh năm 1958. Có mặt

10. Bà Phạm B10, sinh năm 1960.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn B10.1, sinh năm 1973. Có mặt tại phiên tòa;

11. Ông Nguyễn B11, sinh năm 1953.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đinh B11.1, sinh năm 1960. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

12. Ông Đinh B12, sinh năm 1963. Có mặt.

13. Bà Mai Thị B113, sinh năm 1963. Có mặt

14. Bà Phạm B114, sinh năm 1967. Có mặt.

Các đương sự có cùng địa chỉ: Xóm 1, xã Z, huyện Y, tỉnh H.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh H.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị H, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh H. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

2. Ủy ban nhân dân xã Z, huyện Y, tỉnh H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Thành G, Chủ tịch UBND xã Z. Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

3. Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1969;

Chị Đinh Thị A, sinh năm 1991;

Cùng địa chỉ: Xóm 1, thôn K, xã Z, huyện Y, tỉnh H. Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

4. Bà Trần Thị L, sinh năm 1963;

Anh Đinh Văn T, sinh năm 1987;

Anh Đinh Văn T, sinh năm 1990;

Cùng địa chỉ: Thôn Hn, xã H, huyện Đ, tỉnh K.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh B2.1, sinh năm 1959; địa chỉ: Xóm 1, xã Z, huyện Y, tỉnh H. Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

5. Anh Lê Xuân G, sinh năm 1983;

Chị Lê Thị K, sinh năm 1986;

Cùng địa chỉ: Xóm 1, xã Z, huyện Y, tỉnh H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh B3.1, sinh năm 1956; địa chỉ: Xóm 1, xã Z, huyện Y, tỉnh H;

6. Bà Trịnh Thị T, sinh năm 1963;

Anh Đinh Công T, sinh năm 1988;

Anh Đinh Công D, sinh năm 1990;

Cùng địa chỉ: Xóm 1, thôn Khuyến Công, xã Z, huyện Y, tỉnh H.

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Đinh Thị B4.1, sinh năm 1988; địa chỉ: Xóm 1, thôn Khuyến Công, xã Z, huyện Y, tỉnh H. Có mặt;

7. Anh Phạm Văn H, sinh năm 1989;

Chị Phạm Thị H, sinh năm 1991;

Cùng địa chỉ: Xóm 1, thôn Khuyến Công, xã Z, huyện Y, tỉnh H.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đinh B5, sinh năm 1968; địa chỉ: Xóm 1, thôn Khuyến Công, xã Z, huyện Y, tỉnh H. Có mặt.

8. Anh Vũ Thế T, sinh năm 1980;

Chị Vũ B, sinh năm 1982;

Cùng địa chỉ: Xã Z, huyện Y, tỉnh H.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Vũ B6, sinh năm 1978; địa chỉ: Xóm 1, thôn K, xã Z, huyện Y, tỉnh H. Có mặt.

9. Anh Đinh Công T, sinh năm 1976; địa chỉ: 14BKP10, phường A, thành phố B, tỉnh N;

Anh Đinh Công T, sinh năm 1978; địa chỉ: Xã Ci, huyện P, tỉnh G;

Anh Đinh B7.1, sinh năm 1981; địa chỉ: Xóm 1, xã Z, huyện Y, tỉnh H.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Tuân và anh T: Anh Đinh B7.1, sinh năm 1981; địa chỉ: Xóm 1, xã Z, huyện Y, tỉnh H. Có mặt tại phiên tòa;

10. Bà Đinh Thị D sinh năm 1952;

Anh Đinh Văn D, sinh năm 1977;

Anh Đinh Văn H, sinh năm 1978;

Anh Đinh Văn M, sinh năm 1987;

Cùng địa chỉ: Xã Z, huyện Y, tỉnh H.

Người đại diện theo ủy quyền : Ông Đinh B8, sinh năm 1940; địa chỉ: Xóm 1, xã Z, huyện Y, tỉnh H. Có mặt tại phiên tòa.

11. Bà Lê Thị M, sinh năm 1958;

Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1984;

Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1989;

Cùng địa chỉ: Xóm 1, xã Z, huyện Y, tỉnh H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn B9, sinh năm 1958; địa chỉ: Xóm 1, xã Z, huyện Y, tỉnh H.

12. Ông Phạm Văn H, sinh năm 1977;

Ông Phạm Văn H, sinh năm 1972;

Cùng địa chỉ: Xóm 1, xã Z, huyện Y, tỉnh H.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn B10.1, sinh năm 1973; địa chỉ: Xóm 1, thôn K, xã Z, huyện Y, tỉnh H. Có mặt tại phiên tòa.

13. Bà Đinh B11.1, sinh năm 1960; địa chỉ: Xóm 1, xã Z, huyện Y, tỉnh H;

14. Bà Đinh Thị H, sinh năm 1968;

Anh Đinh Công T, sinh năm 1989;

Cùng địa chỉ: Xã Z, huyện Y, tỉnh H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh B12, sinh năm 1963; địa chỉ: Xóm 1, xã Z, huyện Y, tỉnh H. Có mặt.

15. Ông Đinh Tr, sinh năm 1963;

Anh Đinh Trí C, sinh năm 1983;

Chị Đinh Thị T, sinh năm 1986;

Cùng địa chỉ: Xã Z, huyện Y, tỉnh H.

Người đại diện theo ủy quyền của: Bà Mai Thị B113, sinh năm 1963; địa chỉ: Xóm 1, xã Z, huyện Y, tỉnh H. Có mặt.

16. Ông Đinh Công Q, sinh năm 1965;

Chị Đinh Thị L, sinh năm 1989;

Cùng chỉ: cùng địa chỉ: Xã Z, huyện Y, tỉnh H.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Quân, chị Lệ: Bà Phạm B114, sinh năm 1967; địa chỉ: Xóm 1, xã Z, huyện Y, tỉnh H. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 02/5/2019 và lời khai của bà Nguyễn Thị A, lời khai của người đại diện theo ủy quyền của người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn tại Tòa án cấp sơ thẩm, có nội dung trình bày:***

Năm 1997, ông Đinh Văn A (là chồng bà Nguyễn Thị A) được UBND huyện Y và UBND xã Z giao 9.288m² đất nông nghiệp 115 tại thửa đất số 66 tờ bản đồ số 17 lập năm 1990 để làm trang trại VAC. Nguồn gốc đất do 18 hộ dân đội 1 đã tự nguyện làm đơn trả lại cho Nhà nước, UBND xã Z lập biên bản giao đất cho ông Thanh. Từ năm 1997, hộ gia đình ông Thanh tiến hành xây dựng các công trình trên đất, sử dụng ổn định, liên tục từ năm 1997 đến nay, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước và không tranh chấp với ai. Năm 2013, ông Thanh chết không để lại di chúc, bà A là người tiếp tục quản lý và sử dụng diện tích đất này cho đến khi bị cưỡng chế, thu hồi vào tháng 8/2018 với tổng diện tích thực tế sử dụng là 11.186m² (tăng thêm 822m² so với đất được giao).

Đến năm 2017 và 2018, Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án khu du lịch X nhưng UBND huyện Y lại ban hành 18 Quyết định thu hồi đất của 18 hộ dân (trong đó có 14 hộ là bị đơn trong vụ án này) tổng 7.804m² đất và phê duyệt đền bù hỗ trợ cho 14 hộ dân này là không có căn cứ. Nguyên đơn cho rằng đất gia đình được giao có nguồn gốc rõ ràng, hợp pháp, gia đình mới là người bị ảnh hưởng trực tiếp khi Nhà nước thu hồi đất; còn các hộ dân đã từ bỏ quyền sử dụng đất từ năm 1997 nên họ không còn liên quan gì đến phần đất bị thu hồi và cũng không bị ảnh hưởng gì khi Nhà nước thu hồi đất.

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án công nhận quyền tài sản đối với quyền sử dụng tổng 7.804m² đất tranh chấp với 14 hộ gia đình bị đơn cho hộ bà Nguyễn Thị A và bà là người được nhận bồi thường về quyền sử dụng đất, tài sản trên đất và các khoản hỗ trợ khi nhà nước thu hồi 7.804m² đất, với tổng số tiền là 1.287.660.000 đồng; yêu cầu hủy các Quyết định thu hồi đất của UBND huyện Y và Phương án

chi tiết bồi thường, hỗ trợ tái định cư của UBND huyện Y đối với 14 hộ dân và yêu cầu UBND huyện Y ban hành quyết định thu hồi đất và Phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho gia đình bà Nguyễn Thị A đối với diện tích đất bị thu hồi trong trang trại của bà A. Nguyên đơn yêu cầu UBND huyện Y bồi thường, hỗ trợ cho nguyên đơn đối với phần đất 3.382m² đất (trong đó có 822m² đất bà A sử dụng nhiều hơn so với giấy tờ được giao và 2.560m² đất không tranh chấp), với số tiền 558.030 đồng. Sau đó, nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện.

Quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đồng ý hỗ trợ tiền bồi thường về đất cho các hộ dân là 18.000.000đ/sào, các khoản bồi thường hỗ trợ khác ông B được hưởng.

*** Các bị đơn ông Đình B1, hộ ông Đình B2, hộ bà Đình B3.1, hộ ông Đình B4, hộ bà Đình B5, hộ ông Vũ Văn K; hộ bà Đình B7, hộ ông Đình B8, hộ ông Nguyễn B9, hộ bà Nguyễn B10.1, hộ ông Nguyễn B11, hộ ông Đình B12, hộ bà Mai Thị B113, hộ bà Phạm B114 và đại diện theo ủy quyền đều trình bày thống nhất:**

Năm 1994, các hộ dân được UBND huyện Y cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong đó có diện tích đất tại xứ đồng S đang tranh chấp với hộ bà A.

Năm 1997, thực hiện Nghị quyết Đảng ủy và kế hoạch của UBND xã Z về việc vận động nhân dân giao cho UBND xã những diện tích đất xấu làm ăn kém hiệu quả để UBND xã giao cho các hộ xã viên có điều kiện nhận thầu để làm mô hình VAC. Chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng ủy và chính quyền địa phương, bí thư chi bộ và xóm phó xóm 1 đã vận động gia đình các hộ dân ký vào danh sách giao diện tích đất cho tập thể nên thấy việc làm này là có lợi cho cả tập thể và cá nhân nên các hộ dân nhất trí giao cho UBND xã diện tích đất 115 của gia đình ở xứ đồng S, còn việc UBND xã giao cho ai làm kinh tế trang trại thì các hộ dân cũng không nắm được. Khi giao diện tích đất trên cho UBND xã, các hộ cũng không làm thủ tục cho ai mượn và chính quyền cũng không ra quyết định thu hồi đất nông nghiệp của các hộ tại S.

Đến năm 2001, 2013, dồn đổi ruộng đất, các hộ dân có đòi lại diện tích trên nhưng UBND xã trả lời diện tích đất ở xứ đồng S không thuộc diện dồn đổi đợt này và khẳng định đất của các hộ dân vẫn theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1994.

Năm 2015, Nhà nước thu hồi diện tích đất tại S của các hộ dân và đã ra Quyết định thu hồi và phương án bồi thường, hỗ trợ:

ST T	Họ tên	Tờ	Thửa	Diện tích thu hồi (m ²)	Số QĐ thu hồi đất	Ngày ban hành	Tiền bồi thường, hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
---------	--------	----	------	---	-------------------------------	------------------	--------------------------------------	------------

1	Mai .T. B113	7	17	711	8256	28/12/2017	117.315.000	
2	Đinh B5	7	17	511	8257	28/12/2017	84.315.000	
3	Đinh Văn T	7	18	552	8258	28/12/2017	91.080.000	
4	Đinh B1	7	18	416	8259	28/12/2017	68.640.000	
5	Vũ Văn K	7	18	627	8260	28/12/2017	103.455.000	
6	Nguyễn B9	7	17	644	8261	28/12/2017	106.260.000	
7	Đinh B2	7	19	529	8262	28/12/2017	87.285.000	
8	Nguyễn B10.1	7	45	583	8265	28/12/2017	96.195.000	
9	Đinh Văn T	7	44	389	8266	28/12/2017	64.185.000	
10	Đinh B3 (Lê Văn K)	7	49	468	8267	28/12/2017	77.220.000	
11	Nguyễn B11	7	19	529	8268	28/12/2017	87.285.000	
12	Đinh B7	7	19	793	8269	28/12/2017	130.845.000	
13	Phạm B114	7	45	353	850	26/01/2018	58.245.000	
14	Đinh Văn N	7	49	699	852	26/01/2018	115.335.000	
	Tổng cộng			7.804			1.287.660.000	

Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1994 các hộ dân gồm các khẩu như sau:

1. Hộ ông Đinh B1 có 03 khẩu
2. Hộ ông Đinh B2 có 04 khẩu:
3. Hộ ông Lê Xuân Kỳ có 04 khẩu
4. Hộ ông Đinh B4 có 04 khẩu gồm:
5. Hộ bà Đinh B5 gồm 4 khẩu:
6. Hộ ông Vũ Văn Khởi có 06 khẩu gồm:
7. Hộ bà Đinh B7 có 07 khẩu gồm:
8. Hộ ông Đinh B8 gồm 04 khẩu:
9. Hộ ông Nguyễn B9 gồm 04 khẩu:
10. Hộ bà Nguyễn B10.1 gồm 05 khẩu:
11. Hộ ông Nguyễn B11 gồm 4 khẩu:
12. Hộ ông Đinh B12 gồm 3 khẩu:
13. Hộ ông Đinh Trí Nam gồm 5 khẩu:

14. Hộ bà Phạm B114 gồm 3 khẩu:

Các bị đơn không nhất trí yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Các hộ dân có mặt không nhất trí ý kiến của ông B đề nghị hỗ trợ 18.000.000đ/sào và ông B hưởng các hỗ trợ khác

*** Đại diện của UBND huyện Y trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tranh chấp quyền sử dụng đất đối với 14 bị đơn:**

Căn cứ hồ sơ, tài liệu đang lưu trữ tại UBND xã (hồ sơ địa chính năm 1994; năm 2001 như sổ mục kê, sổ địa chính và sổ quản lý đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận năm 1994, giấy chứng nhận của các hộ đã cấp năm 1994; 2001 Các hợp đồng thuê khoán và hợp đồng kinh tế của chủ trang trại; Đề án chuyển dịch năm 2001; Bản đồ địa chính năm 1994; 2002 và trích đo hiện trạng thửa đất thu hồi; danh sách các hộ trả ra do xóm kê khai. Việc xác định phân loại đất được thực hiện theo phương pháp như sau:

Sử dụng hồ sơ địa chính năm 1994 và 2001. Những hộ có đất tiêu chuẩn theo Quyết định 115; 990 trong trang trại không tham gia dồn đổi năm 2001 thì lấy diện tích tiêu chuẩn theo hồ sơ địa chính năm 1994 để xác định diện tích thu hồi.

Những hộ có đất tiêu chuẩn theo Quyết định 115; 990 trong trang trại có tham gia dồn đổi năm 2001 thì lấy theo hồ sơ địa chính năm 2001 để xác định diện tích thu hồi.

Trong quá trình chuyển đổi, chuyển nhượng, tặng cho, thừa kế, trả ra cho UBND xã... của các hộ có đất tiêu chuẩn 115; 990 chưa hoàn thiện hồ sơ theo quy định của pháp luật do vậy việc phân loại đất và ban hành các Quyết định thu hồi đất được xác định đối với các hộ có đất tiêu chuẩn theo quyết định 115; 990 và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Theo hồ sơ địa chính năm 1994 và kê khai của xóm xác lập hộ bà Nguyễn Thị A (Đình Văn A) đang sử dụng đất của 18 hộ tư nhân có đất tiêu chuẩn 115; Căn cứ các Quyết định thu hồi đất, Quyết định phê duyệt phương án của UBND huyện, trong số 18 hộ có đất tiêu chuẩn nằm trong trang trại bà Nguyễn Thị A có 02 hộ tự thỏa thuận và hoàn thiện hồ sơ đồng thời đã nhận kinh phí bồi thường hỗ trợ GPMB theo phương án được phê duyệt với tổng diện tích 1.238m², tổng kinh phí 204.270.000 đồng. Hiện nay trong trang trại còn 16 hộ với tổng diện tích 9.126m², kinh phí bồi thường hỗ trợ được phê duyệt là 1.505.790.000 đồng. Bà A khởi kiện 14 hộ trong 16 hộ, trong đó có 07 hộ có đơn trả ra, 12 hộ nằm trong danh sách trả ruộng cho xóm và xóm giao cho hộ bà A để làm VAC. Tuy nhiên, UBND xã Z tiếp nhận diện tích trả ra nhưng không làm thủ tục đề thu hồi theo quy định của pháp luật nên tính đến thời điểm thu hồi đất, xây dựng phương án hộ bà A không chứng minh được diện tích đất nông nghiệp trong trang trại là do mua bán, chuyển đổi, tặng cho vì vậy diện tích đất vẫn thuộc quyền sử dụng của các hộ được giao chia theo tiêu chuẩn.

Như vậy đối chiếu các văn bản quy định hiện hành việc UBND huyện ban hành các quyết định thu hồi đất đối với 14 hộ trong trang trại bà Nguyễn Thị A là đúng theo quy định pháp luật, cụ thể:

ST T	Họ tên	Tờ	Thửa	Diện tích thu hồi (m ²)	Số QĐ thu hồi đất	Ngày ban hành	Ghi chú
1	Đình Trí n	7	17	711	8256	28/12/2017	
2	Đình B5 (Phạm Văn H)	7	17	511	8257	28/12/2017	
3	Đình Văn T	7	18	552	8258	28/12/2017	
4	Đình B1 (Đình Văn B)	7	18	416	8259	28/12/2017	
5	Vũ Văn K	7	18	627	8260	28/12/2017	
6	Nguyễn B9	7	17	644	8261	28/12/2017	
7	Đình B2	7	19	529	8262	28/12/2017	
8	Phạm Văn D	7	45	583	8265	28/12/2017	
9	Đình Văn T	7	44	389	8266	28/12/2017	
10	Lê Văn K	7	49	468	8267	28/12/2017	
11	Nguyễn B11 (Đình B11.1)	7	19	529	8268	28/12/2017	
12	Đình Văn T (Đình B7)	7	19	793	8269	28/12/2017	
13	Phạm B114 (Đình Công Q)	7	45	353	850	26/01/2018	
14	Đình Văn N	7	49	699	852	26/01/2018	
	Tổng cộng			7.804			

Do bà Nguyễn Thị A và các hộ dân có tranh chấp nên ngày 29/5/2018 UBND xã Z có Thông báo số 16/TB-UBND thông báo về việc dừng chi trả và gửi tiền vào tài khoản tạm giữ tại kho bạc tỉnh đối với tiền bồi thường, hỗ trợ đất đai của các chủ hộ có đất tiêu chuẩn nằm trong các trang trại có liên quan bị ảnh hưởng hạng mục san lấp trung tâm nghỉ dưỡng thuộc dự án đầu tư xây dựng Khu du lịch X (đợt 7) tại xã Z, huyện Y.

Tính đến thời điểm hiện nay UBND huyện khẳng định chỉ chi trả cho các hộ chủ trang trại có đất tiêu chuẩn 115; 990 nằm trong trang trại của mình; các hộ đã

làm thủ tục văn bản thỏa thuận theo quy định và đủ điều kiện nhận tiền; các hộ không có tranh chấp với nhau được UBND xã xác nhận. Không thực hiện chi trả cho các hộ đang tranh chấp và chưa đủ điều kiện nhận tiền theo quy định pháp luật.

Từ những nội dung đã thực hiện, hồ sơ địa chính lưu trữ tại UBND xã và hồ sơ giải phóng mặt bằng lưu tại Hội đồng giải phóng mặt bằng huyện, UBND huyện Y khẳng định quá trình chỉ đạo và ban hành các Quyết định gồm 18 Quyết định thu hồi đất tiêu chuẩn 115; 990 của các hộ tư nhân nằm trong trang trại bà Nguyễn Thị A; Quyết định số 8413/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 (phương án lần 3) và Quyết định số 1000/QĐ-UBND ngày 26/01/2018 (phương án lần 4) của UBND huyện Y về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đất đai và các chính sách hỗ trợ về đất của các hộ bị ảnh hưởng bởi hạng mục: San lấp khu trung tâm đón tiếp, nghỉ dưỡng thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình HTKT khu du lịch X tại xã Z là đúng quy định của pháp luật và thẩm quyền hành chính của UBND huyện Y.

Quan điểm của UBND huyện Y là việc bà Nguyễn Thị A là không có cơ sở, đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị A.

*** UBND xã Z đồng quan điểm với UBND huyện Y xác nhận:** Theo hồ sơ địa chính năm 1994 và kê khai của xóm xác lập ông Đình Văn A đang sử dụng đất của 18 hộ tư nhân có đất tiêu chuẩn 115. Trong đó có diện tích đất nông nghiệp của các hộ mà ông Đình Văn A khởi kiện: Đình B1, Đình B2, Lê Văn Kỳ, Đình B4, Đình B5 (Phạm Văn Hùng), Vũ Văn Khởi, Đình B7 (Đình Công Tụng), Đình B8, Nguyễn B9, Phạm Văn Rìa, Nguyễn B11, Đình B12, Đình Trí Nam, Phạm B114 (Quân).

Sau khi được Nhà nước giao chia đất nông nghiệp ở xứ đồng S các hộ nêu trên sử dụng bình thường, đúng mục đích. Đến năm 1994, các hộ nêu trên được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp trong đó có xứ đồng S: Hộ ông Đình Trí N (diện tích 711 m², thửa đất số 17, tờ bản đồ số 7); hộ ông Đình B5 (diện tích 511 m², thửa đất số 17, tờ bản đồ số 7); hộ ông Đình Văn Thân (diện tích 552 m², thửa đất số 18, tờ bản đồ số 7); hộ ông Đình B1 (Đình Văn Bình) (diện tích 416 m², thửa đất số 18, tờ bản đồ số 7); hộ ông Vũ Văn Khởi (diện tích 627 m², thửa đất số 18, tờ bản đồ số 7); hộ ông Nguyễn B9 (diện tích 644 m², thửa đất số 17, tờ bản đồ số 7); hộ ông Đình B2 (diện tích 529 m², thửa đất số 19, tờ bản đồ số 7); hộ ông Phạm Văn Dia (diện tích 583 m², thửa đất số 45, tờ bản đồ số 7); hộ ông Đình Văn Thủ (diện tích 389 m², thửa đất số 44, tờ bản đồ số 7); hộ ông Lê Văn Kỳ (diện tích 468 m², thửa đất số 49, tờ bản đồ số 7); hộ ông Nguyễn B11 (Đình B11.1) (diện tích 529 m², thửa đất số 19, tờ bản đồ số 7); hộ ông Đình Văn Tụng (diện tích 793 m², thửa đất số 19, tờ bản đồ số 7); hộ bà Phạm B114 (diện tích 353 m², thửa đất số 45, tờ bản đồ số 7); hộ ông Đình Văn Ngẫu (diện tích 699 m², thửa đất số 49, tờ bản đồ số 7). Năm 1996, các hộ nêu trên đã ký tên vào danh sách trả ruộng cho UBND xã và Hợp tác xã quản lý. Sau khi các hộ trả ruộng ra cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chưa có văn bản thu hồi đất đối với diện tích đất xứ đồng S của các hộ.

Ngày 10 tháng 4 năm 1997 UBND xã ký hợp đồng kinh tế giao đất làm trang trại - Mô hình V.A.C với ông Đinh Văn A diện tích 9.288 m², ở xứ đồng S. Diện tích tiêu chuẩn đất nông nghiệp ở xứ đồng S của hộ nêu trên chưa chia cho ai, kể cả chủ Hợp đồng khoán thầu làm trang trại theo mô hình VAC, Năm 2001, năm 2013 thực hiện chủ trương dồn đổi ruộng đất, theo Phương án dồn đổi ruộng đất nông nghiệp của xã Z đối với diện tích ruộng giao chia 115, 990 UBND xã đã giao cho các hộ sử dụng theo mô hình sản xuất đa canh trên vùng đất trũng mô hình VAC, trong đó có khu vực S vẫn giữ ổn định, không tham gia dồn đổi, diện tích đất nông nghiệp của 14 hộ nêu trên vẫn nằm trong trang trại của ông Đinh Văn A. Qua các tài liệu lưu trữ tại UBND xã không tìm thấy các văn bản chuyển quyền về diện tích đất nông nghiệp của hộ nêu trên và gia đình ông Đinh Văn A. Quan điểm của UBND xã về diện tích đất nông nghiệp của 14 hộ ở xứ đồng S vẫn nằm trong trang trại của ông Đinh Văn A đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và ra Quyết định thu hồi đất là đúng quy định của pháp luật. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị A đề nghị Tòa án nhân dân Tỉnh xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2020/DS-ST ngày 23/7/2020, Tòa án nhân dân tỉnh H đã quyết định:

Căn cứ vào:

- Điều 26, Điều 34, khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 39, Các điều 147, khoản 2 Điều 244, 271, 273, 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 32 Luật tố tụng hành chính.

- Các điều 74, 75, 83, 84, 126 Luật đất đai năm 2013.

- Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014, Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; khoản 5, khoản 6 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính Phủ.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Ngọc B.

- Không công nhận ông Đinh Ngọc B được quyền sử dụng diện tích đất nông nghiệp 7.804m² tại xứ đồng S, xã Z, huyện Y, tỉnh H và không được nhận tiền đền bù, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất là 1.287.660.000 đồng.

- Không chấp nhận yêu cầu hủy các Quyết định số 8256, 8257, 8258, 8259, 8260, 8261, 8262, 8265, 8266, 8267, 8268, 8269/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 và Quyết định số 850, 852/QĐ-UBND ngày 26/01/2018 của UBND huyện Y về việc thu hồi đất đối với 14 hộ dân.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện buộc UBND huyện Y bồi thường, hỗ trợ cho nguyên đơn đối với diện tích 3.382m² đất tương ứng với số tiền là 588.030.000đ.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đình Ngọc B, bà Đình Thị Chi không phải nộp theo quy định của pháp luật, bà Đình Thị Lan phải chịu 100.000đ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ngày 24/7/2020, ông Đình Ngọc B kháng cáo phần bản án sơ thẩm đã xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án:

Ông Đình Ngọc B giữ nguyên kháng cáo, trình bày cho rằng hộ gia đình cụ Nguyễn Thị A, ông Đình Văn A (là cha, mẹ của ông) đủ điều kiện để được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất hợp pháp nên phải được bồi thường, hỗ trợ về đất thu hồi. Ông B yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và giao vụ án cho cơ quan thanh tra, cơ quan điều tra để điều tra luận tội với các cán bộ đã có vi phạm pháp luật;

Các bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa phúc thẩm đều thống nhất quan điểm trình bày và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông B, giữ nguyên bản án sơ thẩm; đều xác nhận hộ gia đình chủ trang trại VAC cũng như các chủ trang trại khác đều đã được bồi thường về tài sản có trên đất trang trại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm: Căn cứ hồ sơ quản lý đất đai tại địa phương, nguồn gốc đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì diện tích đất tranh chấp là của 14 hộ gia đình bị đơn; các hộ gia đình này không chuyển nhượng, tặng cho hay chuyển đổi gì cho hộ gia đình chủ trang trại là cụ Phiên. Thực tế hộ gia đình chủ trang trại nhận khoán thầu lại của UBND xã để thực hiện chủ chương làm mô hình kinh tế VAC, nên không được công nhận quyền sử dụng đất hợp pháp nên khi UBND huyện Y thu hồi đất đã xác định đất của 14 hộ dân, là có cơ sở nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Đình Ngọc B đại diện cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn.

Sau khi nghiên cứu tài liệu hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; các chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; nghe ý kiến trình bày của

các bên và quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa; sau khi thảo luận và nghị án,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] 1. Về thủ tục tố tụng:

[2] Tòa án nhân dân tỉnh H thụ lý đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị A tranh chấp quyền sử dụng đất đối với các bị đơn và yêu cầu hủy các Quyết định hành chính cá biệt có liên quan đến đất tranh chấp, là đúng quy định tại Điều 26, Điều 34, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Kháng cáo của ông Đinh Ngọc B (đại diện người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn) hợp lệ, đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[4] 2. Xét kháng cáo của nguyên đơn:

[5] 2.1. Về nguồn gốc, quá trình sử dụng diện tích 7.804 m² đất nông nghiệp tại xứ đồng S (nguyên đơn tranh chấp với 14 hộ gia đình bị đơn):

[6] Nguồn gốc đất do 14 hộ dân được nhà nước giao và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng vào năm 1994 (đứng tên đại diện chủ hộ). : Hộ ông Đinh Trí Nam - diện tích 711 m², thửa đất số 17, tờ bản đồ số 7; hộ ông Đinh B5 - diện tích 511 m², thửa đất số 17, tờ bản đồ số 7; hộ ông Đinh Văn Thân - diện tích 552 m², thửa đất số 18, tờ bản đồ số 7; hộ ông Đinh B1 (Đinh Văn Bình) - diện tích 416 m², thửa đất số 18, tờ bản đồ số 7; hộ ông Vũ Văn Khởi - diện tích 627 m², thửa đất số 18, tờ bản đồ số 7; hộ ông Nguyễn B9 - diện tích 644 m², thửa đất số 17, tờ bản đồ số 7; hộ ông Đinh B2 - diện tích 529 m², thửa đất số 19, tờ bản đồ số 7; hộ ông Phạm Văn Dia - diện tích 583 m², thửa đất số 45, tờ bản đồ số 7; hộ ông Đinh Văn Thủ - diện tích 389 m², thửa đất số 44, tờ bản đồ số 7; hộ ông Lê Văn Kỳ - diện tích 468 m², thửa đất số 49, tờ bản đồ số 7; hộ ông Nguyễn B11 (Đinh B11.1) - diện tích 529 m², thửa đất số 19, tờ bản đồ số 7; hộ ông Đinh Văn Tụng - diện tích 793 m², thửa đất số 19, tờ bản đồ số 7; hộ bà Phạm B114 - diện tích 353 m², thửa đất số 45, tờ bản đồ số 7; hộ ông Đinh Văn Ngẫu - diện tích 699 m², thửa đất số 49, tờ bản đồ số 7.

[7] Năm 1996, UBND xã Z thực hiện cuộc vận động xây dựng mô hình kinh tế trang trại VAC, nhưng do xã không có thẩm quyền giao đất, thu hồi đất nên Đảng ủy và UBND xã Z đã tiến hành vận động để các hộ gia đình nếu không có điều kiện làm kinh tế trang trại thì có thể “trả” đất ruộng lại cho xóm, để xóm và UBND xã giao đất này cho hộ nào có đủ điều kiện làm kinh tế trang trại. Do điều kiện ruộng xa, thiếu nhân lực sản xuất và để hưởng ứng cuộc vận động, nhiều hộ gia đình đã đồng ý phương án này, trong đó có 14 hộ dân trong vụ án này. Đại diện các hộ nêu trên đã ký đơn trả đất cam đoan không đòi lại số diện tích trên với xã, nhưng sau này UBND có thẩm quyền cũng không ban hành Quyết định thu hồi đất đối với 14 hộ dân, không thu hồi hủy bỏ các GCNQSD đất đã cấp cho các bộ dân.

[8] Ngày 10 tháng 4 năm 1997, UBND xã Z ký Hợp đồng kinh tế giao tổng diện tích đất nông nghiệp 9.288m² đất tại xứ đồng S (trong đó có 7.804m² tiêu chuẩn đất nông nghiệp của 14 hộ dân nêu trên) với ông Đinh Văn Thanh (chồng Nguyễn Thị A) để hộ gia đình làm trang trại theo mô hình V.A.C, thời hạn sử dụng đất là 20 năm, kể từ ngày 01/01/1997 đến hết ngày 30/12/2016, năng suất khoán thầu nộp theo từng năm.

[9] Năm 2010, UBND xã vẫn tiếp tục ký hợp đồng giao diện tích đất trong đó có 7.804m² tiêu chuẩn đất nông nghiệp của 14 hộ dân nêu trên đã trả ra để sản xuất đa canh. Hộ ông Thanh, bà A cũng không đề nghị kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất với cơ quan nhà nước đối với diện tích 7.804 m² đất tại khu vực S. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn và các bị đơn đều thừa nhận không có việc giữa gia đình nguyên đơn và 14 hộ dân đã có bất cứ một giao dịch chuyển quyền sử dụng đất nào (tặng cho, chuyển đổi, chuyển nhượng).

[10] Mặt khác, tuy có chủ trương dồn đổi ruộng đất (theo Phương án dồn đổi ruộng đất nông nghiệp của xã Z vào năm 2001 và năm 2013), nhưng đối với đất ruộng có nguồn gốc được giao theo tiêu chuẩn cho các hộ (thực hiện Quyết định 115, 990 của tỉnh H Ninh) sau đó UBND xã đã giao cho các hộ sử dụng theo mô hình sản xuất đa canh trên vùng đất trũng mô hình VAC (trong đó có khu vực S) thì vẫn giữ ổn định, không tham gia dồn đổi, nên vẫn giữ nguyên đất nông nghiệp là của các hộ được giao tiêu chuẩn, trong đó có 14 hộ dân là bị đơn trong vụ án này. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định việc các hộ dân trả đất cho UBND xã là để thực hiện cuộc vận động hưởng ứng phong trào của xã làm mô hình VAC, không phải là đã từ bỏ hoàn toàn quyền sử dụng đất; UBND xã Z cũng chỉ giao khoán lại cho chủ trang trại sử dụng, nên không có căn cứ để xác lập quyền sử dụng hợp pháp cho chủ trang trại VAC, là đúng.

[11] Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không xác định 7.804m² đất tranh chấp là thuộc quyền sử dụng hợp pháp của hộ gia đình ông Thanh, bà A và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tranh chấp quyền sử dụng đất với các bị đơn cũng như yêu cầu hủy các Quyết định hành chính cá biệt, là có căn cứ. Do hộ gia đình ông Thanh, bà A đã sử dụng đất làm trang trại, đã thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng thầu nên hộ gia đình cũng đã được giải quyết bồi thường về tài sản có trên đất.

[12] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông B không cung cấp được chứng cứ tài liệu gì mới chứng minh đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của hộ gia đình, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận kháng cáo. Đối với yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm trả hồ sơ cho cơ quan thanh tra, công an kinh tế điều tra luận tội,...về vi phạm pháp luật đất đai, nhưng ông không có chứng cứ và yêu cầu này không phù hợp với quy định của luật tố tụng hành chính nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[13] 3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

[14] 4. Nguyên đơn thuộc đối tượng được miễn và đã có đơn xin miễn nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 293, khoản 1 Điều 308 BLTTDS;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Giữ nguyên phần Bản án sơ thẩm số 18/2020/DS-ST ngày 23/7/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh H (phần không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tranh chấp quyền sử dụng 7.804m² đất nông nghiệp với 14 hộ gia đình bị đơn và yêu cầu hủy 14 Quyết định hành chính cá biệt).

2. Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

3. Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho nguyên đơn.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 01/12/2021.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh H;
- TAND tỉnh H;
- Cục THADS tỉnh H;
- Các đương sự (theo đ/c);
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phan Thị Vân Hương

